TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HS-ST
Ngày: 15/3/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thúy Hằng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nông Văn Vụ

2. Ông Đinh Văn Hải

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Nguyễn Quỳnh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên toà***: Bà Cao Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 03 năm 2018. Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 09/2018/HSST ngày 12 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 15/2018/QĐXXST- HS ngày 26 tháng 02 năm 2018 đối với bị cáo:

TRẦN VĂN V (Tên gọi khác: Không) - sinh ngày: 17/02/1987.

Tại: Thị trấn NH, huyện HA, tỉnh Cao Bằng;

Nơi đăng ký HKTT: Tổ M, DH, thị trấn NH, huyện HA, tỉnh Cao Bằng.

Chỗ ở: Tổ M, DH, thị trấn NH, huyện HA, tỉnh Cao Bằng.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12PT; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Trần Văn B - Sinh năm 1959 (Đã chết);

Con bà: Hoàng Thị T - Sinh năm 1962. Nơi đăng ký HKTT: Tổ M, DH, thị trấn NH, huyện HA, tỉnh Cao Bằng.

Vợ: Hoàng Thị Thanh T, Sinh năm 1990;

Nơi đăng ký HKTT: Tổ H, phố G, thị trấn NH, huyện HA, tỉnh Cao Bằng. Đã ly hôn tháng 03/2017.

Anh chị em ruột: Bị cáo có 3 anh chị em. Bị cáo là con cả trong gia đình;

Tiền sự: Ngày 16/02/2017, bị Công an huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng xử phạt vi phạm hành chính (phạt tiền) về hành vi đánh bạc.

Tiền án: Ngày 29/09/2017, Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng tuyên xử phạt 7.000.000đồng về tội đánh bạc, 200.000đồng án phí.

Bị cáo bị bắt ngày 20/12/2017. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. "Có mặt".

- *Người bị hại:* Nguyễn Văn H - sinh năm 1959.

Nơi cư trú: tổ BH, phường HG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. "Vắng mặt, có lý do".

- *Người có quyền lợi liên quan:* Đặng Văn T - sinh năm 1971;

Nơi cư trú: tổ M, phường HC, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. "Vắng mặt, có lý do".

- *Người làm chứng:* Hoàng Thị T - Sinh năm 1974;

Nơi cư trú: Tổ M, phường HC, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng; "Có mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 19/01/2017, Trần Văn V (sinh năm 1987, hộ khẩu thường trú: Tổ M, DH, thị trấn NH, huyện HA, tỉnh Cao Bằng) có gặp và nói chuyện cùng Hoàng Thị T (sinh năm 1974, hộ khẩu thường trú: Tổ M, phường HC, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) tại thị trấn NH, huyện HA, tỉnh Cao Bằng. Khi nói chuyện V nói V đang rất cần tiền và hỏi T nơi cho thuê xe máy và nhận cầm cố xe máy không có giấy tờ. T đã cho V biết hiệu cầm đồ PH của ông Nguyễn Văn H (sinh năm 1959, địa chỉ tổ BH, phường HG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) cho thuê xe máy do T đã từng thuê xe ở đó và anh Đặng Văn T (sinh năm 1971, hộ khẩu thường trú: tổ M, phường HC, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) có nhận cầm cố xe máy không có giấy tờ. Nghe T nói vậy V nảy sinh ý định thuê xe máy đi cầm cố lấy tiền sử dụng. Chiều ngày 20/01/2017, V đến nhà Hoàng Thị T nhờ đưa đến hiệu cầm đồ PH để thuê xe, T cho V vay 500.000đồng để V trả tiền thuê xe. Ông H đã làm hợp đồng cho V thuê 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave α màu đen, biển kiểm soát 11ZH - 3839, V hẹn 02 ngày sau sẽ trả xe và trả trước tiền thuê xe 02 ngày là 300.000đồng. V không cho ông H biết V thuê xe để làm gì. Sau khi thuê được xe V mang đến nhà anh Đặng Văn T (tổ M, HC, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) vay được số tiền 5.000.000 đồng và để lại xe ở nhà anh T để làm tin. Số tiền này V mang đi trả nợ hết. Sau khi ông H cho V thuê xe quá lâu và nhiều lần đến gặp V đòi xe nhưng V chưa trả, ngày 20/9/2017 ông H đến công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng trình báo sự việc trên.

Ngày 05/10/2017, Đặng Văn T đã giao nộp chiếc xe máy Honda Wave α biển kiểm soát 11ZH - 3839 cho cơ quan công an.

- *Quá trình điều tra người bị hại Nguyễn Văn H trình bày:* Ông có mở cửa hàng kinh doanh: Dịch vụ cầm đồ, bán xe máy và ô tô cũ. Cho thuê xe máy, ô tô với tên hiệu PH tại tổ BH, phường HG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. Ngày 20/01/2017, Trần Văn V sinh năm 1987, HKTT: Tổ M, DH, thị trấn NH, huyện HA, tỉnh Cao Bằng đến hiệu cầm đồ của ông để hỏi thuê xe máy. Lúc đó ông không có mặt ở nhà, con gái ông là Nguyễn Thị Ngọc H đã trực tiếp nói chuyện với V. Trước khi cho V thuê xe máy con gái ông đã gọi điện cho ông để hỏi ý kiến và ông cũng đã đồng ý cho V thuê xe máy. Khi thuê xe V không nói thuê xe để đi đâu, làm gì. Chiếc xe máy V thuê có nhãn hiệu Honda Wave α, màu đen, biển kiểm soát 11ZH - 3839. Khi thuê xe V có làm hợp đồng thuê xe 02 (hai) ngày, V trả trước tiền thuê xe hai ngày là 300.000đồng và để lại giấy chứng minh thư nhân dân của V ở cửa hàng của ông (Sau ngày thuê xe khoảng 04 tháng V đã đến và xin lại bản chính giấy chứng minh thư nhân dân của V, ông có photo lại chứng minh thư nhân dân của V). Khi quá hẹn V vẫn chưa quay lại trả xe máy cho ông. Ông đã nhiều lần gọi điện thoại và đến nhà V để đòi xe nhưng V lấy nhiều lý do để xin khất thời gian trả xe cho ông. Sau nhiều lần đòi xe V chưa trả được xe nhưng đã trả cho ông thêm số tiền khoảng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) là tiền thuê xe. Khoảng 05 tháng sau do ông đòi quá nhiều lần nên V nói với ông là đã đem chiếc xe máy 11ZH - 3839 đi cầm cố ở nhà anh T ở tổ M, phường HC, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng lấy số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng). Việc V lấy xe của ông đi cầm cố lấy tiền ông không hề biết và cũng không cho phép V làm việc đó. Sau đó, ông vẫn tiếp tục đòi V trả xe nhiều lần nữa nhưng V vẫn chưa trả cho ông nên ông đã trình báo với cơ quan Công an. Về nguồn gốc chiếc xe máy 11ZH - 3839, vào năm 2015 một người phụ nữ đã mang đến cầm cố ở hiệu cầm đồ của ông lấy số tiền 8.000.000đ (tám triệu đồng). Sau đó, người đấy không lấy lại xe nữa mà bán chiếc xe đó cho ông và nhận thêm với ông số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng). Người phụ nữ bán xe cho ông tên là Hoàng Thị O nhà ở phường TG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. Kể từ lúc mua lại chiếc xe đó ông đã dùng chiếc xe để kinh doanh dịch vụ cho thuê xe máy. V đã thuê chiếc xe máy đó của ông. Hiện tại V đã bị tạm giam, hơn nữa gia đình V hoàn cảnh khó khăn, mẹ của V mắc bệnh hiểm nghèo nên ông không yêu cầu V phải trả thêm tiền thuê xe. Đối với hành vi của V ông yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình điều tra người có quyền lợi liên quan Đặng Văn T trình bày: Khoảng cuối tháng 01/2017 Trần Văn V đến nhà ông để hỏi mượn tiền với số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng). V nói đang cần tiền. Ông đồng ý cho V mượn số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng). V hứa khoảng 10 ngày sau sẽ quay lại trả tiền cho ông. Khi đó, V có mang theo 01 (một) chiếc xe máy biển kiểm soát 11ZH - 3839 và nhờ ông giữ hộ chiếc xe đó. V chỉ nói nhờ ông giữ hộ mà không cho ông biết lý do vì sao giữ hộ. Ông có hỏi V xe đó phải của V không? V nói xe máy của V nhưng giấy tờ lúc đó vợ V đang giữ. Ông đã đồng ý giữ xe giúp V. Khi ông và V giao nhận tiền, xe không có ai chứng kiến. V có viết một giấy vay tiền cho ông giữ nhưng ông không nhớ hiện để đâu, ngoài ra V không đưa thêm giấy tờ gì khác cho ông. Sau khi V mượn tiền của ông, ông có gọi điện thoại cho V để giục V trả tiền, V nói khi nào có tiền V sẽ đến gặp ông để trả tiền

và lấy xe máy. Khoảng 03 (ba) tháng sau khi V mượn tiền thì có một người đàn ông đến nhà ông tự giới thiệu tên là H và nói với ông chiếc xe máy 11ZH - 3839 là của ông H, V đã thuê xe của ông H từ lâu nhưng chưa trả. Ông H đã gọi điện cho V và đưa điện thoại cho ông nghe máy, ông nói với V có việc gì thì đến gặp ông để nói chuyện. Khi ông H đến gặp và nói chiếc xe máy 11ZH - 3839 là của ông H nhưng không cầm theo giấy tờ xe nên ông không tin, ông nghĩ V và ông H thông đồng với nhau nên ông đã yêu cầu V đến gặp ông để nói chuyện trực tiếp nhưng từ đó đến nay vẫn chưa thấy V đến gặp ông.

Ngày 21 tháng 11 năm 2017 cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản số 03/ĐGTS đối với vật chứng vụ án (01 xe mô tô Honda Wave α, màu đen, biển kiểm soát 11ZH - 3839, số khung: 168773, số máy: 1369703). Tại bản kết luận số 49/KL - TCKH của phòng tài chính kế hoạch ngày 23/11/2017 về định giá tài sản trong tố tụng hình sự của vụ Trần Văn V kết luận: xe mô tô Honda Wave α, màu đen, biển kiểm soát 11ZH - 3839, số khung: 168773, số máy: 1369703, đăng ký lần đầu ngày 25/09/2009 có giá trị sử dụng 4.375.000đồng. Giá trị tài sản mà Trần Văn V đã chiếm đoạt được là: 4.375.000đồng (bốn triệu ba trăm bẩy mươi lăm nghìn đồng).

Qua điều tra xác minh Trần Văn V là đối tượng không có nghề nghiệp ổn định, thường xuyên chơi lô đề, cờ bạc, do nợ nần rất nhiều người cần có tiền trả nợ nên V nảy sinh ý định đi thuê xe máy rồi mang đi cầm cố lấy tiền trả nợ. Tại cơ quan điều tra V đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Hành vi của Trần Văn V đã bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy tố trước pháp luật về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, theo quy định tại khoản 1 điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

Tại bản cáo trạng số: 11/CT - VKSTP ngày 12 tháng 02 năm 2018 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã truy tố Trần Văn Vvề tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009). Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của Trần Văn V đủ yếu tố cấu thành tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Trần Văn V lừa đảo chiếm đoạt tài sản mục đích lấy tiền để sử dụng và trả nợ cá nhân.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn V khai nhận về hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo thừa nhận: Để có tiền chi tiêu và trả nợ, chiều ngày 20/01/2017 Trần Văn V đến hiệu cầm đồ PH tại tổ BH, phường HG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng thuê chiếc xe máy Honda Wave α, màu đen, biển kiểm soát 11ZH - 3839, V trả trước tiền thuê xe 02 ngày là 300.000đồng và hẹn 02 ngày sau trả xe. Tuy nhiên sau khi thuê được chiếc xe trên, V mang đến nhà Đặng Văn T ở tổ M, phường HC, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng đặt để làm tin, để nhận lấy số tiền 5.000.000đồng mang đi sử dụng. Đồng thời bị cáo cũng thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng phản ánh đúng thực tế hành vi phạm tội của bị cáo và truy tố bị cáo về tội danh, điều luật nêu trên là đúng. Thừa nhận giá trị tài sản bị cáo lừa đảo chiếm đoạt được là

4.375.000đồng (Bốn triệu ba trăm bẩy mươi lăm nghìn đồng). Mục đích của việc lừa đảo tài sản trên là để có tiền trả nợ cho bản thân.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trần Văn V và người bị hại nhất trí với kết luận định giá tài sản và không có ý kiến hay khiếu nại về kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Cao Bằng.

Lời khai của người bị hại, người có quyền lợi liên quan tại cơ quan điều tra hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay. Tại phiên tòa người bị hại Nguyễn Văn H vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt) đã nhận lại tài sản (xe máy Honda Wave α, màu đen, biển kiểm soát 11ZH - 3839) không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm. Về trách nhiệm hình sự: người bị hại đề nghị tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa người có quyền lợi liên quan Đặng Văn T vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt) ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết về số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) V vay của ông ở trong vụ án này.

Tại phiên toà Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần Văn V về tội danh, điều luật như đã nêu trong bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi bổ sung năm 2009).

- Xử phạt bị cáo Trần Văn V với mức án từ 12 tháng đến 18 tháng tù về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Hình phạt bổ sung (phạt tiền): bị cáo là lao động chính trong gia đình, không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, gia đình thuộc hộ nghèo, mẹ mắc bệnh hiểm nghèo đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: người bị hại đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo bồi thường nên đề nghị không xem xét.

Người có quyền lợi liên quan không yêu cầu Tòa án giải quyết về bồi thường trong vụ án này nên không xem xét.

- Xử lý vật chứng: không có.

- Về án phí: theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phần tranh luận, bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Khi được nói lời sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là sai. Bị cáo là lao động chính trong gia đình, mẹ bị cáo bị bệnh hiểm nghèo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ tội cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Quá trình điều tra người bị hại không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn V đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố. Cụ thể: Chiều ngày 19/01/2017, V gặp và nói chuyện cùng Hoàng Thị T (Nơi cư trú: Tổ M, phường HC, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) tại thị trấn NH, huyện HA, tỉnh Cao Bằng. Khi nói chuyện V nói V đang rất cần tiền và hỏi T nơi cho thuê xe máy và nhận cầm cố xe máy không có giấy tờ. T đã cho V biết hiệu cầm đồ PH của ông Nguyễn Văn H (Địa chỉ tổ BH, phường HG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) cho thuê xe máy do T đã từng thuê xe ở đó và anh Đặng Văn T (Nơi cư trú: tổ M, phường HC, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng) có nhận cầm cố xe máy không có giấy tờ. Nghe T nói vậy V nảy sinh ý định thuê xe máy đi cầm để lấy tiền sử dụng. Chiều ngày 20/01/2017, V đến nhà Hoàng Thị T nhờ đưa đến hiệu cầm đồ PH để thuê xe, V không có tiền nên T cho V vay 500.000đồng để V trả tiền thuê xe. Sau đó, T chở V đi đến gần hiệu cầm đồ PH. Khi đến hiệu cầm đồ PH, lúc đó ông H không ở nhà, V gặp con gái ông H và đặt vấn đề thuê xe. Con gái ông H đã gọi điện thoại hỏi ý kiến ông H, được ông H đồng ý nên đã làm hợp đồng cho V thuê 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave α màu đen, biển kiểm soát 11ZH - 3839, V hẹn 02 ngày sau sẽ trả xe và trả trước tiền thuê xe 02 ngày là 300.000đồng. V không cho ông H biết V thuê xe để làm gì. Sau khi thuê được xe V mang đến nhà anh Đặng Văn T ở phường HC, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng vay được số tiền 5.000.000 đồng và để lại chiếc xe máy ở nhà anh T để làm tin. Số tiền này V mang đi trả nợ hết. Sau nhiều lần đòi xe V chưa trả được xe nhưng đã trả thêm cho ông H số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng) là tiền thuê xe. Do V thuê xe quá lâu và nhiều lần đến gặp V đòi xe nhưng V chưa trả nên ông H đến Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng trình báo sự việc trên. Đến ngày 20/12/2017 V đã bị Công an thành phố Cao Bằng bắt giữ. Xét thấy, lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Để có tiền chi tiêu và trả nợ, chiều ngày 20/01/2017 Trần Văn V đến hiệu cầm đồ PH tại tổ BH, phường HG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng thuê chiếc xe máy Honda Wave α, màu đen, biển kiểm soát 11ZH - 3839, V trả trước tiền thuê xe 02 ngày là 300.000đồng và hẹn 02 ngày sau trả xe. Sau khi thuê được chiếc xe trên, V mang đến nhà Đặng Văn T ở tổ M, phường HC, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng đặt để làm tin, để nhận lấy số tiền 5.000.000 đồng mang đi sử dụng. Chiếc xe V đã thuê nói trên được hội đồng định giá kết luận có giá trị sử dụng 4.375.000đ (bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Bị cáo Trần Văn V đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác nhằm mục đích sử dụng cho nhu cầu của bản thân. Hành vi của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu của người khác về tài sản được pháp luật bảo vệ.

Bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự. Là người đủ năng lực nhận thức, năng lực hành vi, là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình gây ra.

Mục đích của bị cáo lừa đảo chiếm đoạt tài sản để lấy tiền chi tiêu và trả nợ cho cá nhân. Bị cáo nhận thức được hành vi bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Trong vụ án này Hội đồng xét xử xác định bị cáo V thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Giá trị tài sản bị cáo V chiếm đoạt là 4.375.000đồng (bốn triệu ba trăm bẩy mươi lăm nghìn đồng).

Như vậy, hành vi của bị cáo Trần Văn V đã đủ các yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Điều 139. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội ..."

Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực từ ngày 01/01/2018 nhưng vụ án này hành vi phạm tội của bị cáo bị phát hiện, khởi tố, điều tra trước ngày 01/01/2018. Mặc dù truy tố sau ngày 01/01/2018 nhưng đối với hành vi của bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 "Tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" có khung hình phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 "Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản" khung hình phạt tù cũng từ sáu tháng đến ba năm; khung hình phạt của 2 điều luật là ngang nhau nên khi xét xử bị cáo vẫn áp dụng quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 để giải quyết (Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội và văn bản số 04/TANDTC - PC ngày 09/01/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao V/v áp dụng BLHS năm 2015 và Nghị quyết số 41 của Quốc hội).

Bị cáo Trần Văn V là người có năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức rõ hành vi bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn có tiền để chi tiêu và trả nợ cho cá nhân, bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Ngày 29/09/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng tuyên xử phạt 7.000.000đồng về tội đánh bạc, 200.000đồng án phí (chưa thi hành). Mặc dù đã được giáo dục nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho mình, vẫn không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân, coi thường pháp luật để đáp ứng cho nhu cầu của cá nhân, bị cáo cố tình thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó,

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Trần Văn V theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2009) về tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối đến hiệu cầm đồ PH thuê chiếc xe máy Honda Wave α, màu đen, biển kiểm soát 11ZH - 3839 (đã trả trước tiền thuê xe 02 ngày là 300.000đồng) và hẹn 02 ngày sau trả xe nhưng sau khi thuê được chiếc xe trên bị cáo mang đến nhà Đặng Văn T đặt để làm tin, để nhận lấy số tiền 5.000.000đ (năm triệu đồng) mang đi sử dụng vào mục đích cá nhân. Như vậy bị cáo đã đạt được mục đích của mình là chiếm đoạt tài sản của người bị hại. Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Văn V đã xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của người khác về tài sản. Bị cáo nhận thức được dùng thủ đoạt gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác lấy tiền tiêu xài cho cá nhân là hành vi vi phạm pháp luật và bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi của bị cáo không những đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp được pháp luật bảo vệ đối với mỗi công dân mà còn gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương và sự bất bình lo lắng trong quần chúng nhân dân. Đây là hành vi nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội dưới hình thức lỗi cố ý trực tiếp, mục đích vụ lợi. Vì vậy việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là đúng và cần thiết. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm trước pháp luật có như vậy mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm nói chung.

Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo Trần Văn V có trình độ văn hóa 12/12PT, là một người có sức khỏe, có năng lực trách nhiệm hình sự, do ham chơi lô đề, cờ bạc dẫn đến nợ nần rồi thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo nhận thức rõ hành vi bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn có tiền để chi tiêu và trả nợ cho cá nhân, bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Trước khi thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản bị cáo đã thực hiện hành vi đánh bạc. Ngày 29/09/2017 Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng xét xử vụ án đánh bạc, tuyên xử phạt bị cáo 7.000.000đồng (hình phạt chính), 200.000đồng án phí. Đến thời điểm xét xử vụ án này, bản án trên đã có hiệu lực pháp luật nhưng bị cáo chưa thi hành khoản tiền phạt và án phí. Hội đồng xét xử xác định bị cáo có 01 tiền án chưa được xóa án tích.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, thừa nhận về hành vi mình đã thực hiện. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "Thành khẩn khai báo" được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, cần áp dụng cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ này.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án: ngày 29/09/2017 bị tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng tuyên xử phạt 7.000.000đồng về tội đánh bạc, 200.000đồng án phí (chưa được xóa án tích). Tuy nhiên, khi thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản bị cáo chưa bị xét xử về tội "Đánh bạc" nên lần phạm tội này của bị cáo không thuộc trường hợp

tái phạm; Do đó, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "Tái phạm" quy định tại điểm g khoản 01 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 1999. Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999; Xử phạt bị cáo Trần Văn V với mức án từ 12 đến 18 tháng tù. Hội đồng xét xử xét thấy mức đề nghị về hình phạt trên là phù hợp với quy định của pháp luật, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi bị cáo thực hiện nên cần chấp nhận.

Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, căn cứ tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, căn cứ vào nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi bị cáo đã thực hiện. Cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội làm gương cho người khác.

Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 05 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản, bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ một năm đến năm năm". Vì vậy bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động chính trong gia đình, bản thân không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, gia đình thuộc hộ nghèo, mẹ mắc bệnh hiểm nghèo. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Trần Văn V.

Khi xét xử vụ án này bị cáo Trần Văn V đã bị Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng xét xử về tội Đánh bạc với hình phạt chính là phạt tiền (bản án số 28/2017/HSST ngày 29/9/2017 đã có hiệu lực pháp luật); Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định việc tổng hợp hình phạt của nhiều bản án:...Tòa án quyết định hình phạt đối với tội đang bị xét xử, sau đó quyết định hình phạt chung theo quy định tại Điều 50 Bộ luật hình sự; nhưng điểm đ khoản 1 Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định*: Phạt tiền không tổng hợp với các loại hình phạt khác*... Do vậy, phần quyết định hình phạt của bản án này sẽ không tổng hợp với hình phạt bản án số 28/2017/HSST ngày 29/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng.

Đối với Đặng Văn T oàn, tại cơ quan điều tra T khai nhận: T cho V vay số tiền 5.000.000 đồng và V để lại chiếc xe máy 11ZH - 3839 cho T giữ để làm tin, khi V trả tiền thì mới lấy xe. Đối với số tiền 5.000.000 đồng V chưa trả, T không yêu cầu trả ngay mà khi nào V có tiền thì trả T sau. Cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành điều tra xác minh nhưng không có đủ căn cứ để xác định Đặng Văn T đã nhận cầm cố chiếc xe máy trên như lời khai của Trần Văn V, do đó không đủ căn cứ xử lý nên đã răn đe, nhắc nhở đối với Đặng Văn T.

Đối với Hoàng Thị T, cơ quan cảnh sát điều tra đã tiến hành điều tra xác minh và xác định Hoàng Thị T là người nói cho Trần Văn V biết thông tin về nơi cho thuê và cầm cố xe máy. Tuy nhiên T không biết việc V mang chiếc xe Honda Wave α 11ZH - 3839 đi cầm cố và T cũng không nhận được lợi ích gì từ việc đó. Do đó không có đủ căn cứ để xử lý đối với Hoàng Thị T.

Đối với chiếc xe máy 11ZH - 3839 sau khi định giá xong đã trả lại cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn H. Sau khi nhận lại chiếc xe ông H không yêu cầu V trả thêm tiền thuê xe và cũng không có yêu cầu, đề nghị gì về sau đối với vụ việc này.

Về trách nhiệm dân sự:

- Đối với chiếc xe máy Honda Wave α, biển kiểm soát 11ZH - 3839 sau khi định giá xong cơ quan Công an đã tiến hành đã tiến hành trả lại cho chủ sở hữu là ông Nguyễn Văn H theo biên bản trả lại tài sản ngày 09/01/2017. Xét thấy việc trả lại tài sản cho chủ sở hữu của cơ quan Công an là đúng theo quy định tại Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 1999. Tại phiên tòa người bị hại Nguyễn Văn H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt đã nhận lại tài sản (01 chiếc xe máy Honda Wave α, biển kiểm soát 11ZH - 3839). Ông H không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết về bồi thường.

- Đối với Đặng Văn T, T cho V vay số tiền 5.000.000 đồng và V để lại chiếc xe máy 11ZH - 3839 cho T giữ để làm tin. Đối với số tiền 5.000.000 đồng V chưa trả, T không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét (sẽ giải quyết sau khi có yêu cầu).

Về án phí: Bị cáo Trần Văn V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo thuộc hộ nghèo và có đơn xin miễn án phí. Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 bị cáo thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm nên cần xem xét cho bị cáo được miễn nộp tiền án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Văn V phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- *Áp dụng:* khoản 1 Điều 139; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009) đối với bị cáo Trần Văn V.

2. Xử phạt: Bị cáo Trần Văn V 12 (mười hai) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 20/12/2017.

3. Về trách nhiệm dân sự:

- Người bị hại Nguyễn Văn H đã nhận lại tài sản không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về bồi thường.

- Người có quyền lợi liên quan Đặng Văn T không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần bồi thường trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn V được miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Người bị hại vắng mặt (có lý do) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

- Người có quyền lợi liên quan vắng mặt tại phiên tòa (có lý do) có quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
-Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Công an TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thúy Hằng